

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 625/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Nghệ An
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ:.....
	Ngày: 11/7/2024.....

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1059/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An tại Tờ trình số 5355/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về nội dung tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan liên quan và về tính chính xác của thông tin, số liệu nêu trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư trong Phụ lục I (kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHĐP (2). 15





THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050

(Kèm theo Quyết định số 625/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1059/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là Quy hoạch tỉnh).

- Phân công trách nhiệm chủ trì và trách nhiệm phối hợp giữa tỉnh Nghệ An và các bộ, ngành trung ương bảo đảm thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh. Đồng bộ hệ thống các quy hoạch trên địa bàn tỉnh; bảo đảm sự thống nhất giữa Quy hoạch tỉnh với Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch vùng và các quy hoạch có liên quan. Xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm thu hút các nguồn lực thực hiện Quy hoạch tỉnh.

- Xây dựng lộ trình tổ chức thực hiện các chương trình, dự án gắn với nguồn lực triển khai nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Quy hoạch tỉnh.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm tuân thủ, kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; tính liên kết, thống nhất giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, các địa phương. Bám sát định hướng bốn trụ cột kinh tế: công nghiệp, nông nghiệp, đô thị và du lịch phát triển nhanh, bền vững, toàn diện, bao trùm theo Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

- Bảo đảm tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bối cảnh hội nhập quốc tế và thực tiễn tại địa phương.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực theo phương châm nội lực là căn bản, ngoại lực là quan trọng, kết hợp chặt chẽ nội lực với ngoại lực tạo ra nguồn lực tổng hợp tối ưu, lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư để tạo đột phá thu hút vốn đầu tư phát triển và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ,

hiện đại, liên thông tổng thể. Phân bổ nguồn lực đầu tư tập trung có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn; bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí.

- Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn phải phù hợp với Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có liên quan, bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

- Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt của địa phương trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành, các địa phương trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện đồng bộ hệ thống các quy hoạch

- Rà soát bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ trên địa bàn và các quy hoạch không còn phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật; thông báo công khai danh mục các quy hoạch được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh hết hiệu lực theo Điều 59 Luật Quy hoạch.

- Đến năm 2025, hoàn thành việc rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị, nông thôn, các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo quy định của pháp luật, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

2. Triển khai thực hiện các dự án theo Quy hoạch tỉnh

a) Dự án ưu tiên và phân kỳ đầu tư thực hiện Quy hoạch tỉnh.

(Danh mục các dự án thực hiện tại Phụ lục I kèm theo).

- Nguyên tắc xác định các dự án đầu tư công

+ Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản của cấp có thẩm quyền liên quan về đầu tư công.

+ Hoàn thiện cơ sở hạ tầng từ các dự án đã và đang thực hiện từ nguồn vốn đầu tư công nhằm phát huy hiệu quả công trình, dự án mang lại; lấy đầu tư công kích hoạt mọi nguồn lực của xã hội.

+ Ưu tiên thực hiện các dự án kết cấu hạ tầng tạo sức lan tỏa lớn, có tính kết nối liên vùng, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông chiến lược của tỉnh, hạ tầng phát triển công nghiệp; hạ tầng cửa khẩu; hạ tầng khoa học, công nghệ; hạ tầng y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, thông tin, an sinh xã hội; hạ tầng lưới điện;

hạ tầng kỹ thuật tại các trung tâm đô thị, khu vực động lực tăng trưởng, hành lang kinh tế đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh để thu hút các nguồn vốn đầu tư, bảo đảm cơ cấu đầu tư hợp lý, hiệu quả.

+ Tiếp tục ưu tiên đầu tư hoàn thiện hạ tầng thủy lợi, đê điều, cấp nước, thoát nước đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Quan tâm thực hiện các dự án đầu tư công nhằm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới của tỉnh.

- Dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

+ Các ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư gồm: Sân bay, cảng biển, cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, hạ tầng logistics, đường sắt; hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao; phát triển nguồn điện; cấp nước sạch; cơ sở hạ tầng y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa, thể thao, môi trường, thương mại, du lịch, dịch vụ, thông tin và truyền thông.

+ Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư, huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển; xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, bảo vệ môi trường và các lĩnh vực phúc lợi xã hội khác.

+ Tăng cường hợp tác công - tư (PPP) trên cơ sở cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); xây dựng chính sách đột phá để phát triển hạ tầng chiến lược, tập trung phát triển khu vực kinh tế tư nhân, đặc biệt là doanh nghiệp quy mô lớn và doanh nghiệp FDI; thúc đẩy liên kết ngân hàng - doanh nghiệp, hỗ trợ các nhà đầu tư nâng cao hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

- Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích đất sử dụng, hướng tuyến, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn thực hiện và các thông tin chi tiết của dự án sẽ được cụ thể hóa trong quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành hoặc trong giai đoạn lập, thẩm định, chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các chương trình, dự án.

- Thu hút, đầu tư để gia tăng mật độ, quy mô, năng suất, hiệu quả các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh, nhất là tại 02 khu vực động lực tăng trưởng của tỉnh (gồm thành phố Vinh mở rộng và Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An mở rộng) và 06 trung tâm đô thị (đô thị Vinh mở rộng, đô thị Hoàng Mai, đô thị Thái Hòa, đô thị Diễn Châu, đô thị Đô Lương, đô thị Côn Công).

b) Nguồn lực thực hiện quy hoạch

Để thực hiện mục tiêu tăng trưởng GRDP bình quân hằng năm là 10,5 - 11,0 % trong thời kỳ 2021 - 2030, tỉnh Nghệ An dự kiến cần huy động tổng số vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 1.650 nghìn tỷ đồng, cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	2021 - 2025		2026 - 2030		2021 - 2030	
		Nghìn tỷ đồng	%	Nghìn tỷ đồng	%	Nghìn tỷ đồng	%
Tổng số		560	100	1.090	100	1.650	100
1	Vốn ngân sách nhà nước	42,6	7,6	61,0	5,6	103,6	6,3
2	Vốn ODA	1,1	0,2	2,2	0,2	3,3	0,2
3	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	65,5	11,7	131,8	12,1	197,3	11,9
4	Vốn đầu tư của các doanh nghiệp	205,0	36,6	430,6	39,5	635,6	38,4
5	Vốn đầu tư khu vực dân cư	245,8	43,9	465,4	42,7	710,2	43,2

c) Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng

Chủ động hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển của địa phương và phối hợp với các bộ, ngành trung ương, các địa phương trong vùng Bắc Trung Bộ xây dựng, hoàn thiện thể chế chính sách của vùng và những đề án trọng tâm, trọng điểm tạo đột phá cho phát triển tỉnh, vùng và ngành (cả nước).

(Danh mục cơ chế, chính sách, chương trình, đề án phát triển tỉnh và liên kết vùng tại Phụ lục II kèm theo).

3. Kế hoạch sử dụng đất

Căn cứ Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025 được giao tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 và Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2025 và 2026 - 2030 theo đúng quy định của pháp luật.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An trong quá trình thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; trường hợp cần thiết, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An nghiên cứu, xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện thành công các mục tiêu trong Quy hoạch tỉnh.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chịu trách nhiệm về: (i) tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu trong hồ sơ trình phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (ii) nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan liên quan trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Nghệ An (iii) thực hiện nghiêm túc các cam kết nêu tại Tờ trình 5355 ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (iv) tuyệt đối không hợp thức hóa các sai phạm trước đây liên quan đến các chương trình, dự án tại Phụ lục kèm theo; (v) đối với các dự án đang xử lý theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án thuộc danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư (nếu có) chỉ được triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

b) Tổ chức công bố, tuyên truyền, phổ biến thông tin rộng rãi tới Nhân dân, các cơ quan, tổ chức liên quan, nhà đầu tư trong nước và nước ngoài và chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Nghệ An, tạo đồng thuận và điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án phát triển đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Nghiên cứu, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp để triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh.

d) Báo cáo đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh định kỳ theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ; báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Quy hoạch. Chủ động rà soát, kịp thời trình Thủ tướng Chính phủ xem xét việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn và điều kiện thực tế tại địa phương theo quy định hiện hành.

đ) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An chủ động đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền và đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định.

TT	Tên dự án	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
		2021 - 2025	2026 - 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
8.	Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Bắc, Tây Nam	x	x	x	x
9.	Dự án xây dựng trung tâm xét nghiệm tập trung	x	x	x	x
10.	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các cơ sở y tế công lập khác trên địa bàn	x	x	x	x
VII	Khoa học công nghệ và thông tin truyền thông				
1.	Dự án Trạm nghiên cứu biển thuộc trung tâm ứng dụng và chuyển giao khoa học kỹ thuật		x	x	x
2.	Dự án Trung tâm kiểm định, kiểm nghiệm tỉnh Nghệ An		x	x	x
3.	Dự án Trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo		x	x	x
4.	Dự án Trung tâm tích hợp dữ liệu và triển khai điện toán đám mây		x	x	x
5.	Dự án Xây dựng và nâng cấp trung tâm giám sát an toàn thông tin (SOC)	x	x	x	x
6.	Các dự án đầu tư xây dựng nền tảng hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh	x	x	x	x
7.	Các dự án xây dựng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các đơn vị khoa học công nghệ công lập khác trên địa bàn	x	x	x	x
VIII	Bảo vệ môi trường và an ninh quốc phòng				
1.	Các dự án cải thiện, phục hồi môi trường các đoạn sông ô nhiễm nghiêm trọng	x	x	x	x
2.	Dự án xây dựng hệ thống quan trắc và xây dựng bản đồ cảnh báo ở các khu vực có nguy cơ lũ, lũ quét, khu vực ngập lụt, khu vực thường xảy ra hạn hán, xâm nhập mặn	x	x	x	x
3.	Các dự án hệ thống thu gom, xử lý nước thải các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị, nông thôn	x	x	x	x
4.	Các dự án lắp đặt mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng	x	x	x	x

TT	Tên dự án	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
		2021 - 2025	2026 - 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
5.	Các dự án thành lập và xây dựng trụ sở khu bảo tồn thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	x	x	x	x
6.	Các dự án đầu tư các công trình đảm bảo công tác quốc phòng, an ninh	x	x	x	x
B	CÁC DỰ ÁN THU HÚT ĐẦU TƯ				
I	Hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo quy hoạch	x	x	x	x
II	Hạ tầng cảng biển, cảng hàng không				
1.	Dự án nâng cấp cảng hàng không Vinh thành cảng hàng không quốc tế (PPP)		x	x	x
2.	Dự án xây dựng đường cất hạ cánh số 2, cảng hàng không quốc tế Vinh (PPP)		x	x	x
3.	Các dự án xây dựng, nâng cấp, cải tạo cảng biển, luồng hàng hải, khu bến, kết cấu hạ tầng cảng biển tại Cửa Lò; Đông Hội***	x	x	x	x
III	Hạ tầng đô thị, khu dân cư				
1.	Các dự án xây dựng khu đô thị tại địa bàn các huyện, thành phố, thị xã	x	x		x
2.	Các dự án xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở công nhân tại khu kinh tế, các khu công nghiệp, địa bàn các huyện, thành phố, thị xã	x	x		x
IV	Công nghiệp				
1.	Dự án khu công viên công nghệ thông tin tập trung; sản xuất phần cứng, phần mềm; khu sản xuất phần mềm, nội dung số và khu đào tạo lập trình	x	x		x
2.	Các nhà máy sản xuất linh kiện điện tử, vi điện tử và điện dân dụng	x	x		x
3.	Các nhà máy sản xuất, lắp ráp hàng điện lạnh, thiết bị điện, viễn thông	x	x		x
4.	Các nhà máy sản xuất và lắp ráp ô tô; linh kiện phụ kiện xe ô tô các loại	x	x		x

TT	Tên dự án	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
		2021 - 2025	2026 - 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
5.	Các nhà máy sản xuất tấm pin năng lượng mặt trời; vật liệu mới, vật liệu siêu nhẹ, cao cấp, chống cháy, ắc quy	x	x		x
6.	Các nhà máy sản xuất xe máy điện, xe đạp điện, xe đạp địa hình	x	x		x
7.	Các nhà máy sản xuất máy phục vụ sản xuất nông nghiệp, tàu thuyền; lắp ráp động cơ Diesel	x	x		x
8.	Các dự án đầu tư xây dựng cụm sản xuất sợi, dệt may; sản xuất xơ sợi nhân tạo; sản xuất các sản phẩm hỗ trợ ngành dệt may	x	x		x
9.	Các nhà máy sản xuất hàng da, giày da, giày thể thao xuất khẩu	x	x		x
10.	Các nhà máy sản xuất gạch ốp lát, tấm lợp, tấm ốp cao cấp các loại	x	x		x
11.	Các dự án sản xuất kính an toàn, kính đặc biệt dùng trong xây dựng	x	x		x
12.	Các dự án sản xuất năng lượng tái tạo: điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối, điện rác...	x	x		x
13.	Dự án cụm nhà máy điện khí LNG Quỳnh Lập	x	x		x
14.	Các nhà máy sản xuất phân bón; thức ăn chăn nuôi...	x	x		x
15.	Các dự án hạ tầng điện, năng lượng trên địa bàn	x	x		x
V	Nông, lâm nghiệp và thủy sản				
1.	Các dự án trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	x	x	x	x
2.	Các dự án trong khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao	x	x	x	x
3.	Các dự án tổ hợp nhà máy giết mổ, chế biến sản phẩm thịt gia súc, gia cầm	x	x		x
4.	Các dự án Khu liên hợp chăn nuôi gia súc, gia cầm, chế biến công nghệ cao	x	x		x
5.	Các dự án chăn nuôi bò thịt chất lượng cao tập trung quy mô lớn	x	x		x

TT	Tên dự án	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
		2021 - 2025	2026 - 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
6.	Các dự án trồng dược liệu dưới tán rừng và xây dựng nhà máy chế biến dược liệu, thuốc, mỹ phẩm	x	x		x
7.	Các dự án xây dựng hạ tầng khu chế biến thủy sản tập trung	x	x		x
8.	Các dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến hoa quả	x	x		x
9.	Các dự án phát triển nông nghiệp công nghệ cao tại khu vực miền Tây	x	x		x
VI	Thương mại, du lịch, dịch vụ	x	x		
1.	Các dự án Trung tâm hội chợ và triển lãm vùng Bắc Trung Bộ	x	x		x
2.	Các trung tâm Logistics	x	x		x
3.	Các dự án xây dựng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại dịch vụ	x	x		x
4.	Các dự án xây dựng các bến xe, các trạm dừng nghỉ cơ giới đường bộ (Dự kiến giai đoạn 2021 - 2025 thu hút đầu tư 04 - 06 bến xe; giai đoạn 2026 - 2030 thu hút 10 - 15 bến xe)	x	x		x
5.	Các dự án đầu tư phát triển các khu du lịch; khu sinh thái nghỉ dưỡng, sân golf	x	x		x
6.	Các dự án xây dựng sản phẩm du lịch sinh thái, văn hóa cộng đồng miền Tây	x	x		x
7.	Các dự án Khu du lịch văn hóa - sinh thái Núi Chung, thuộc Quy hoạch bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích quốc gia đặc biệt	x	x		x
8.	Các dự án xây dựng Khu liên hợp thể thao vùng Bắc Trung Bộ và Trung tâm đào tạo huấn luyện thể thao tỉnh Nghệ An	x	x		x
9.	Các dự án trường đại học tư thục, trung học phổ thông quốc tế	x	x		x
10.	Các dự án đầu tư, nâng cấp các cơ sở y tế hiện có và phát triển, đầu tư xây mới các cơ sở y tế tư nhân (bệnh viện đa khoa, chuyên khoa...) trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã	x	x		x

TT	Tên dự án	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
		2021 - 2025	2026 - 2030	Vốn đầu tư công	Các nguồn vốn khác
11.	Các dự án bệnh viện phục hồi chức năng và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi kết hợp nghỉ dưỡng	x	x		x
12.	Các dự án Trung tâm dịch vụ việc làm****	x	x		x
VII	Tài nguyên và Môi trường	x	x		
1.	Dự án mở rộng Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghi Yên	x	x		x
2.	Các dự án xây dựng khu liên hợp, nhà máy xử lý chất thải rắn tại các huyện, thị xã	x	x		x
3.	Các dự án nhà máy, khu xử lý nước thải tập trung tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất tập trung	x	x		x
4.	Các dự án nhà máy/khu xử lý nước thải tập trung tại các khu đô thị, khu dân cư	x	x		x
5.	Các dự án nhà máy cung cấp nước sạch trên địa bàn các huyện, thị xã	x	x		x
6.	Dự án Công viên nghĩa trang tại huyện Hưng Nguyên, huyện Nghĩa Đàn	x	x		x

Ghi chú: Ngoài các dự án thuộc danh mục Dự án ưu tiên đầu tư tại thời kỳ 2021 - 2030 trong Quy hoạch tỉnh (Phụ lục XXI); các dự án bổ sung khác bao gồm:

* Dự án được bổ sung theo Nghị quyết số 162/NQ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

** Dự án được bổ sung theo Chương trình hành động số 68-CTr/TU ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghệ An về thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

*** Dự án được bổ sung theo Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

**** Các dự án được bổ sung để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.



Phụ lục II

MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN TỈNH VÀ LIÊN KẾT VÙNG

(Kèm theo Quyết định số 625/QĐ-TTg ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền phê duyệt	Ghi chú
A	Chương trình, đề án, nhiệm vụ tỉnh Nghệ An chủ trì			
1.	Đề án bảo tồn và phát huy giá trị dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh giai đoạn 2025 - 2030	2024	Thủ tướng Chính phủ	*
2.	Đề án phát triển thành phố Vinh trở thành trung tâm văn hóa phía Bắc của vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	2024	Thủ tướng Chính phủ	*
3.	Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Vinh đến 2040, tầm nhìn đến năm 2050	2026	Thủ tướng Chính phủ	*
4.	Lập đề án quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nghệ An đến năm 2050 (Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An mở rộng)	2027	Thủ tướng Chính phủ	*
5.	Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Kim Liên	2025	Thủ tướng Chính phủ	*
6.	Lập Quy hoạch chung các đô thị dự kiến thành lập thị xã (Đô Lương, Diễn Châu) - đô thị loại III	2027	Thủ tướng Chính phủ	*
7.	Đề án mở rộng địa giới hành chính thành phố Vinh	2024	Thủ tướng Chính phủ	*
8.	Đề án mở rộng Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An và đổi tên thành Khu kinh tế Nghệ An	2024	Thủ tướng Chính phủ	*
9.	Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã	2024	Thủ tướng Chính phủ	**
10.	Đề án thành lập Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy	2026 - 2030	Thủ tướng Chính phủ	***

TT	Nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền phê duyệt	Ghi chú
11.	Đề án tái cơ cấu các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Nghệ An	2024	Thủ tướng Chính phủ	*
12.	Đề án xây dựng Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo khu vực Bắc Trung Bộ; trung tâm nghiên cứu liên ngành	2024	Thủ tướng Chính phủ	*
13.	Đề án phát triển thành phố Vinh thành Trung tâm y tế chuyên sâu	2025	Thủ tướng Chính phủ	*
14.	Lập Quy hoạch chung xây dựng Khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao vùng Bắc Trung Bộ đến năm 2045	2024 - 2025	Thủ tướng Chính phủ	***
15.	Đề án phát triển cây trồng, vật nuôi chủ lực gắn với chế biến, bảo quản liên kết chuỗi giá trị sản phẩm trên địa bàn Nghệ An	2024 - 2025	Bộ Nông nghiệp và PTNT	**
16.	Lập Quy hoạch các vùng huyện (17 huyện)	2023 - 2025	UBND tỉnh Nghệ An	**
17.	Điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Hoàng Mai và Thái Hòa	2025	UBND tỉnh Nghệ An	**
18.	Lập Quy hoạch chung đô thị Con Cuông	2026 - 2027	UBND tỉnh Nghệ An	**
19.	Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông, lâm sản trọng tâm thuộc hành lang kinh tế đường Hồ Chí Minh, tỉnh Nghệ An đến năm 2030	2024 - 2025	UBND tỉnh Nghệ An	**
20.	Đề án phát triển tỉnh Nghệ An trở thành trung tâm logistics của vùng Bắc Trung Bộ	2024	UBND tỉnh Nghệ An	**

TT	Nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền phê duyệt	Ghi chú
21.	Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh đến năm 2030	2024	UBND tỉnh Nghệ An	**
22.	Đề án thành phố ánh sáng thành phố Vinh giai đoạn 2023 - 2025, có tính đến năm 2030	2024	UBND tỉnh Nghệ An	**
23.	Đề án xây dựng Bệnh viện Hữu nghị đa khoa tỉnh trở thành hạng đặc biệt	2025	UBND tỉnh Nghệ An	**
24.	Đề án điều tra, đánh giá hiện tượng xâm nhập mặn ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xã hội các huyện ven biển tỉnh Nghệ An nhằm ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng	2024	UBND tỉnh Nghệ An	**
25.	Đề án hợp tác toàn diện giữa tỉnh Nghệ An với các tỉnh của Lào có chung đường biên giới	2025	UBND tỉnh Nghệ An	**
B	Chương trình, đề án, nhiệm vụ tỉnh Nghệ An được giao phối hợp			
1.	Đề án đầu tư, phát triển Trường Đại học Vinh trở thành trung tâm đào tạo uy tín trong khu vực và thế giới	2025	Thủ tướng Chính phủ	Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì (Nghị quyết số 162/NQ-CP ngày 04/10/2023)
2.	Lập Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2025	Thủ tướng Chính phủ	Bộ Tài nguyên Môi trường chủ trì (Nghị quyết số 162/NQ-CP ngày 04/10/2023)

TT	Nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành	Thẩm quyền phê duyệt	Ghi chú
3.	Xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển tỉnh Nghệ An trình Quốc hội ban hành	Quý III/2024	Chính phủ (để trình Quốc hội)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì (Nghị quyết số 162/NQ-CP ngày 04/10/2023)

Ghi chú:

* Nhiệm vụ, đề án được giao tại Nghị quyết số 162/NQ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

** Nhiệm vụ, đề án được giao tại Chương trình hành động số 68-CTr/TU ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghệ An thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

*** Các nhiệm vụ khác đề xuất để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.